

CHÍNH PHỦ

Số: 103/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức,
đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 26 tháng 2 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH :

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức, người làm hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau đây:

1. Cơ quan nhà nước các cấp từ Trung ương đến cơ sở;

2. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;
3. Đơn vị sự nghiệp của nhà nước; đơn vị sự nghiệp khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước;
4. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần có phần vốn, tài sản nhà nước;
5. Các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang;
6. Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định;
7. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. "Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị" quy định tại Nghị định này là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quyền hạn và trách nhiệm trong sử dụng và quản lý ngân sách, tài sản nhà nước hoặc của cơ quan tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước.
2. "Cấp phó của người đứng đầu" quy định tại Nghị định này là người được phân công giúp người đứng đầu phụ trách, quản lý một hoặc một số lĩnh vực nhất định trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và được ký thay người đứng đầu khi giải quyết công việc.
3. Đối với các tổ chức hoạt động theo cơ chế tập thể, biểu quyết theo đa số (Ủy ban, Hội đồng quản trị, Hội đồng quản lý...) thì Chủ tịch được coi như là người đứng đầu, Phó Chủ tịch, ủy viên (chuyên trách hoặc không chuyên trách) được coi như là cấp phó của người đứng đầu.
4. "Trách nhiệm trực tiếp" là trách nhiệm gắn với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được phân công khi để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
5. "Trách nhiệm liên đới" là trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra sai phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác và trong cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới trực tiếp phụ trách.

Điều 4. Nguyên tắc xác định trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu và của cán bộ, công chức, viên chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu (sau đây gọi chung là người đứng đầu) phải đề ra các biện pháp, tổ chức thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định tại Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới về việc đề cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Người đứng đầu cấp trên trực tiếp, nếu đề cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất và mức độ của vụ vi phạm cũng có thể phải chịu trách nhiệm liên đới.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những vi phạm của mình về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Trường hợp vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì ngoài cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra vụ việc, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có người trực tiếp vi phạm và người liên quan vi phạm cũng phải chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới theo quy định tại Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG VIỆC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 5. Trách nhiệm trong xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức việc rà soát các văn bản do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các quy định không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện, trong đó phải quy định các biện pháp và kế hoạch thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình được giao quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến từng tổ chức, từng cán bộ, công chức, viên chức, tạo chuyển biến thực sự về trách nhiệm, lề lối làm việc, cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 6. Trách nhiệm trong hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức rà soát các định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc lĩnh vực mình được giao phụ trách, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để bãi bỏ các định mức, tiêu chuẩn chế độ không còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung các quy định mới, phù hợp làm cơ sở cho việc thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 7. Trách nhiệm trong thực hiện công khai, tạo điều kiện cho kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định để công khai việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao; công khai việc mua sắm, sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện, trụ sở làm việc, nhà công vụ, công trình phúc lợi và các tài sản khác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị để làm cơ sở cho các cơ quan có chức năng kiểm tra, giám sát và cán bộ, công chức, viên chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 8. Trách nhiệm trong kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức việc kiểm tra, thanh tra để phát hiện, ngăn ngừa các hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trong phạm vi lĩnh vực quản lý của mình xử lý, giải quyết dứt điểm các vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 9. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chế độ và nguyên tắc tài chính trên các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán ngân sách nhà nước, đánh giá hiệu quả và giải trình việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được giao.

Điều 10. Trách nhiệm trong quản lý đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền, tài sản nhà nước

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quản lý, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư đúng quy trình, quy chế quản lý đầu tư hiện hành của Nhà nước, thực hiện đầu tư có tập trung, không dàn trải để bảo đảm yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xác định rõ trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong quản lý đối với từng khâu của quá trình đầu tư xây dựng các dự án.

Điều 11. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ được giao đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; trong phạm vi quản lý của mình, có trách nhiệm kiểm tra, rà soát diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đang quản lý để bố trí, sử dụng hợp lý, đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định; không cấp thêm đất, không bố trí xây dựng trụ sở làm việc khi chưa hoàn thành việc sắp xếp, sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, diện tích đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ đã có.

Điều 12. Trách nhiệm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm rà soát lại quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng từng loại tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các tài nguyên: đất, nước, rừng, khoáng sản để sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, ban hành các quy chế, quy định về tái tạo, bảo vệ, phát triển lâu dài các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Điều 13. Trách nhiệm trong đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các quy định của Nhà nước về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế đối với các cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, không đáp ứng được yêu cầu chuyên môn và vi phạm kỷ luật lao động.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm chỉ đạo và giám sát thực hiện các quy chế, nội quy về kỷ luật lao động, đặc biệt là các quy định về sử dụng thời gian lao động.

Điều 14. Trách nhiệm trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước

Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm xây dựng, ban hành cơ chế, quy chế, các định mức, tiêu chuẩn, chế độ mua sắm, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn và tài sản; phát hiện kịp thời, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản.

Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, đề xuất các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời phải chịu trách nhiệm về những đề xuất của mình trái với các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Cán bộ, công chức, viên chức khi phát hiện hành vi vi phạm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phải báo cáo cấp có thẩm quyền để có biện pháp ngăn chặn.

3. Cán bộ, công chức, viên chức phải chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình đối với các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương III KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

Điều 16. Khen thưởng

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có thành tích trong việc thực hiện các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 17. Căn cứ để xem xét xử lý kỷ luật

1. Căn cứ để xem xét kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách:

a) Sự phân công, phân cấp quản lý, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật để xác định mức độ chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới khi để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

b) Mọi quan hệ công tác giữa hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của người dưới quyền đối với trách nhiệm quản lý của người đứng đầu.

2. Căn cứ để xem xét kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Sự phân công, nhiệm vụ, quyền hạn, tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, mức thiệt hại thực tế do hành vi lãng phí gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình thức kỷ luật để xác định mức độ chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức khi có hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Đối với trường hợp vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì cơ quan có thẩm quyền chuyển hồ sơ đến cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hình thức xử lý kỷ luật trách nhiệm đối với người đứng đầu

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức đã được sửa đổi, bổ sung ngày 29 tháng 4 năm 2003 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Cán bộ, công chức) và cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức bằng một trong những hình thức kỷ luật sau đây:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Cách chức.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cán bộ, công chức quy định tại điểm a và điểm g khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức mình quản lý, phụ trách thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật nêu tại khoản 1 Điều này hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định tại điều lệ của tổ chức đó.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các đơn vị thuộc Công an nhân dân nếu để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Điều 19. Hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và h khoản 1 Điều 1 của Pháp lệnh Cán bộ, công chức, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

3. Người làm việc theo hình thức hợp đồng lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 20. Hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, viên chức và người làm hợp đồng lao động tại doanh nghiệp

1. Cán bộ, công chức, viên chức được bổ nhiệm làm cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước hoặc được cử làm người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

2. Cán bộ, viên chức làm việc tại doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong doanh nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Người làm hợp đồng lao động tại doanh nghiệp, vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tùy theo tính chất, mức độ của vụ việc sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 21. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người có hành vi vi phạm lần đầu phải bồi thường thiệt hại đến 5.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật khiển trách nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

3. Hình thức kỷ luật hạ bậc lương áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

4. Hình thức kỷ luật hạ ngạch áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ bậc lương nhưng tái phạm hoặc các đối tượng vi phạm lần đầu gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ trên 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng/lần xét bồi thường.

5. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người giữ chức vụ có hành vi vi phạm đã bị xử lý kỷ luật hạ ngạch nhưng tái phạm.

6. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với người có hành vi vi phạm đã bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật nêu tại các khoản 4 và khoản 5 Điều này nhưng tái phạm, gây hậu quả lớn và xét thấy không còn đủ điều kiện để tiếp tục làm việc hoặc các đối tượng vi phạm gây lãng phí phải bồi thường thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên/lần xét bồi thường.

7. Người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước, vi phạm quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật như đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 22. Áp dụng hình thức kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 21 Nghị định này.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bị xử lý kỷ luật theo hình thức quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 21 Nghị định này.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người đứng đầu trong trường hợp để lĩnh vực công tác được giao quản lý hoặc trong đơn vị trực tiếp phụ trách có người vi phạm pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả rất nghiêm trọng.

Điều 23. Trách nhiệm liên đới đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là cấp trên trực tiếp

Người đứng đầu cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý vốn, tài sản nhà nước, nếu để cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc xảy ra vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng cũng phải chịu trách nhiệm liên đới và có thể bị xem xét xử lý kỷ luật về trách nhiệm liên đới đối với vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gây hậu quả nghiêm trọng của cấp dưới trực tiếp.

Điều 24. Các trường hợp loại trừ, miễn, giảm nhẹ và tăng nặng hình thức kỷ luật

1. Trường hợp được loại trừ, miễn xử lý kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được xem xét loại trừ trách nhiệm kỷ luật do không thể biết được hoặc đã áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì có thể được miễn xử lý kỷ luật.

2. Trường hợp giảm nhẹ kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách, bị xem xét kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên, nếu trước đó đã tự nguyện xin từ chức và đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận thì được xem xét giảm nhẹ mức xử lý kỷ luật xuống một bậc;

b) Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tự giác khắc phục hậu quả thì được xem xét giảm nhẹ hình thức kỷ luật.

3. Trường hợp tăng nặng kỷ luật:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị xử lý kỷ luật vì để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách mà không kịp thời ngăn chặn, xử lý vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi do mình quản lý, phụ trách.

b) Cán bộ, công chức, viên chức không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi lãng phí; khi phát hiện hành vi vi phạm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cố tình che giấu, không báo cáo kịp thời với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 25. Thời hạn xem xét, xử lý

1. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày phát hiện vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiến hành xem xét có kết luận chính thức về vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có kết luận chính thức về vụ việc vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hoặc từ ngày bản án về vụ vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu lực pháp luật, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cấp trên trực tiếp có trách nhiệm xem xét, xử lý hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm liên đới để xảy ra vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 26. Thẩm quyền quyết định

Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hiện hành.

Điều 27. Trình tự, thủ tục xử lý

Trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Mục 2 (từ Điều 16 đến Điều 23) Chương II Nghị định số 84/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

3. Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định này trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định này trong các cơ quan, tổ chức và đơn vị thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

5. Cơ quan có thẩm quyền của tổ chức chính trị căn cứ các quy định tại Nghị định này hướng dẫn áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, Hội đồng quản trị, người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, các Tổng Công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCB (10b). Hòa (340b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Nguyễn Tấn Dũng- đã ký